

Bản án số: 13/2019/HSPT
Ngày: 18 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ,
Ông Nguyễn Văn Vận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Quách Hồng Quân – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/HSPT ngày 11 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thanh L và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T .

Những bị cáo kháng cáo:

1. Phạm Thanh L - sinh ngày 29/4/1982 tại thành phố H , tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh S và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Lê Thị C và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/6/2012, bị Công an phường P , thành phố H , tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 150.000 đồng về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác; Ngày 05/02/2015, bị Công an thành phố H , tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay. Có mặt.

2. Chu Hồng H - sinh ngày 09/02/1983 tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: phường C, thành phố H , tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Y và bà Bùi Thị D (chết); bị cáo có vợ là

Bùi Thị Huyền C và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17/4/2017, bị Công an phường C, thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Nhân thân: Ngày 21/5/2013, bị Công an phường C, thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội; ngày 08/9/2015, bị Công an phường N, thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Công D - sinh ngày 11/3/1987 tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Tổ 7, phường N, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H2 và bà Bùi Thị C2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 11/5/2016, bị Công an thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Nhân thân: Ngày 02/01/2013, bị Công an phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 27/10/2015, bị Công an phường N, thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay. Có mặt.

4. Bùi Quang A (tên gọi khác: G), sinh ngày 26/3/1983 tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang L2 và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo có vợ là Lê Hương Q2 (Đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 24/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/3/2014, bị Công an phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 150.000 đồng về hành vi gây mất trật tự; ngày 09/6/2014, bị Công an thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 đến nay. Có mặt.

5. Quách Đình B - sinh ngày 23/6/1992 tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: phường B, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Đình T3 và bà Nguyễn Thị L3; bị cáo có vợ là Đào Thị H3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Chu Hồng H :

Ông Vũ Hồng Thanh và ông Nguyễn Anh Tuấn - Luật sư Văn phòng Luật sư Thanh Vũ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị hại không kháng cáo:

Ông Bùi Hải Q , sinh năm 1957; nơi cư trú: xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Những có Z lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

- Anh Trần TA, sinh năm 1984; nơi cư trú: thị trấn C, huyện C , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

- Chị Trần Thị Thu R , sinh năm 1982; nơi cư trú: xã S, thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

- Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1991; nơi cư trú: phường B, thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

- Anh Vương Xuân T , sinh năm 1986; nơi cư trú: phường B, thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

- Ông Chu Văn H , sinh năm 1955; nơi cư trú: phường C, thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

- Anh Chu Ngọc S , sinh năm 1984; nơi cư trú: phường C, thành phố H , tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Bùi Văn K có vay của Trần Thị Thu R số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) đồng từ năm 2016. Do nhiều lần đòi nợ nhưng ông K không có tiền trả, nên R đã nhờ em trai là Trần TA đòi nợ hộ. Trần TA đồng ý và tiếp tục nhờ bạn của mình là Nguyễn Anh D đòi nợ ông K và được D đồng ý.

Sáng ngày 16/3/2017, D và Quách Đình B cùng đi xe ô tô lên huyện M, tỉnh Hòa Bình với nhóm người làm việc trong quán cầm đồ NP ở phường P , thành phố H gồm: Chu Hồng H (Chủ quán); Phạm Thanh L ; Nguyễn Công Đ và Lê Hùng M. Trên đường đi, D có nói với H việc ông K ở xã P huyện T nợ anh trai D 300 triệu đồng và nhờ H đòi giúp thì H đồng ý. Sau đó, nhóm của H đến nhà ông K ở huyện T yêu cầu trả tiền nợ. Ông K nói chưa có tiền nhưng nhóm của H vẫn tiếp tục yêu cầu ông K phải trả tiền nợ. Thấy vậy, ông Bùi H

Q là hàng xóm gần nhà ông K đã sang xin nhóm của H cho ông K thêm thời gian để trả nợ và ông Q đứng ra bảo lãnh, hứa có trách nhiệm giúp ông K đi vay tiền cũng như hỗ trợ phương tiện cùng ông K đi vay tiền để trả nợ. Nhóm của H đã đồng ý và thống nhất với ông K và ông Q là 20 ngày sau ông K phải trả trước 50 triệu đồng và ông K đồng ý. Sau đó, nhóm của H ra về. Lúc này, D và Trần TA liên hệ với nhau rồi cùng hẹn gặp nhau tại quán café Sóc Nâu ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, Trần Thị Thu R và Trần TA đi đến gặp H, D, L, Đ, B và M. Tại đó H đã nói lại sự việc đi đòi nợ cho R và TA biết, R và TA đã trực tiếp nhờ H đi đòi nợ ông K giúp T.

Khoảng 8 giờ ngày 06/4/2017, TA điện thoại cho Chu Hồng H nói đến ngày ông K hẹn trả nợ, bảo anh em lên lấy tiền. Sau khi nghe điện thoại xong, H bảo với Phạm Thanh L, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A và anh Vương Xuân T cùng đi lên nhà ông K để lấy tiền nợ. Lúc này, Quách Đình B cũng ở đó nghe thấy H nói, nên xin đi cùng. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô KIA Sorento, biển kiểm soát 28A-037.94 của H chở H, L, A, B và T đi từ thành phố H theo quốc lộ 6 lên nhà ông K ở huyện T. Khi đi đến huyện C, H có nhắc lại với mọi người trên xe: “Hôm nay đến nhà ông K lấy tiền vì đến ngày ông K hẹn trả”.

Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của H đến nhà ông K. Khi đến nơi, tất cả xuống xe và gọi cửa nhà ông K nhưng cửa khóa, không có ai ở nhà. Một số người trong nhóm của H đi ra phía sau nhà ông K nhưng không vào được vì cửa đóng. Khi đó Đ nói: “Bây giờ không có ông K ở nhà thì mình đi sang nhà ông Q để hỏi ông K đi đâu”, rồi Đ cùng một số người trong nhóm sang nhà ông Q trước. H cũng nói với những người ở lại sang xem ông K đi đâu, rồi tất cả cùng nhau đi sang nhà ông Q. Khi Đ sang thì gặp ông Q ở nhà, Đ hỏi “Ông K đi đâu”, ông Q trả lời không biết ông K đi đâu. Đ nói hôm trước ông cùng ông K hứa 20 ngày nữa trả 50 triệu đồng, nay lại nói không biết ông K đi đâu, đến hẹn rồi ông K không trả thì ông phải có trách nhiệm trả thay cho ông K. Ông Q trả lời không có liên quan gì phải trả thay cho ông K. Lúc này, H nói ông K không trả thì ông phải có trách nhiệm trả thay ông K. Ông Q trả lời vừa rồi ông còn bị ông K lừa bán mất lợn của ông. H nói ông như trẻ con, nếu ông không trả thì hội của H ở đó không về. Khi đó, Đ đã chửi tục với ông Q, nói ông Q lừa hội Đ và bắt ông Q phải có trách nhiệm trả tiền thay cho ông K. Lúc này, L, Đ, A, B cùng chửi bới, đe dọa nhiều lần, bắt ông Q phải trả tiền thay cho ông K, đồng thời áp sát ông Q để uy hiếp, đe dọa. L đã dùng đuôi bóng điện compac chọc vào mồm ông Q gây chảy máu, đồng thời áp sát và dùng thuốc lá đang cháy dí đầu có lửa vào tay ông Q gây bỏng nhẹ. Khi đó, H và T đứng

ngoài không nói gì. Ông Q bị uy hiếp nên sợ, bỏ chạy ra ngoài thì L đuổi theo rồi khoác tay vào vai ông Q, dùng đầu gối thúc lên vùng bụng ông Q và dùng tay huých nhiều lần vào người ông Q. Trong khi đó, Đ, A và B vẫn chửi và đe dọa ông Q. Đ cầm dao gọt hoa quả chỉ vào mặt và chửi ông Q. Thấy vậy, ông Q bỏ chạy sang quán của con trai ông là Bùi Văn Z. Thấy ông Q ở trong đó thì L, Đ, A và B ở ngoài tiếp tục đe dọa, chửi bới và yêu cầu ông Q trả tiền. Sau đó, L, Đ, A và B tự do đi vào nhà ông Q. Đồng thời, A và Đ vào tủ lạnh nhà ông Q lấy bia, hoa quả ra để cùng ăn uống. Khi đó, L bảo B ra xe của H bê loa và bình ắc quy trong cốp xe ra để ở sân trước cửa nhà ông Q, rồi L bật nhạc gây ầm ĩ cả khu phố. Ông Q không dám về nhà mà đi sang bên quán bán hàng tạp hóa của bà Đinh Thị V đối diện ở bên kia đường để trốn. Do lo sợ, nên sau đó ông Q gọi H sang để thương lượng. Lúc này, A có lên ghé xe ô tô của ông Q ở trước sân để ngồi, sau đó A xuống xe và L lên ngồi thay chỗ A trên xe ô tô của ông Q, rồi nổ máy, bật nhạc trên xe, lấy kính đeo lên trán trêu mọi người, còn B lên ghé phụ ngồi. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, ông Q không chịu nổi, đã nhận lời với H đồng ý trả nợ 50 triệu đồng thay cho ông K. H quay về nhà ông Q nói cho mọi người trong nhóm biết và dùng điện thoại quay video L và B trên xe ô tô của ông Q và những người khác tại nhà ông Q rồi đưa lên facebook cá nhân. Sau đó, B đi ra sân nhà ông Q có gặp L đang cầm đầu vòi của dây phụt rửa xe, B hỏi L “Anh lấy đâu đây”, L chỉ vào đoạn ống rửa xe của ông Q nói “Đây”. Ông Q chạy quanh hàng xóm để vay tiền nhưng không được, nên anh Z là con trai của ông Q phải đi vay mẹ vợ của anh là bà Đinh Thị M số tiền 50 triệu đồng cho ông Q. Khi đó, Trần TA đã có mặt ở nhà bà V cùng ông Q và H. Ông Q đề nghị phải viết biên bản giao tiền thì H đã đọc cho bà V viết biên bản giao nợ với nội dung ông Q trả nợ hộ ông K 50 triệu đồng theo như đã hứa. Khi anh Z mang số tiền đã vay được về đưa cho H, thì H đưa biên bản giao nhận nợ cho ông Q ký vào bên giao tiền, Trần TA ký vào bên nhận tiền, bà Nguyễn Thị E và ông Bùi Văn F ký vào người làm chứng, nội dung giấy viết: “Từ nay ông Q hết trách nhiệm với tôi là Chu Hồng H” rồi ký tên. H đã đưa cho Đ đếm đủ 100 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng. Sau đó, Đ đưa tiền lại cho H, H đưa biên bản giao nợ cho ông Q cầm, rồi H cùng L, Đ, A, B và T lên ô tô của H, còn Trần TA đi riêng một xe ô tô cùng về theo quốc lộ 6 hướng về thành phố H. Khi đi được khoảng 300 mét, H dừng xe, hạ cửa kính xuống đưa 50 triệu đồng cho Trần TA, sau đó tất cả đi về nhà. Trần TA cầm số tiền 50 triệu đồng đi về và trả cho chị gái là Trần Thị Thu R.

Ông Q về đến nhà thấy đồ đạc trong nhà lộn xộn, đồ ăn trong tủ lạnh bị mất hết, một số đồ đạc trong nhà bị làm hư hại, bị cắt mất 01 đầu vòi rửa xe ở

sân; mất 02 USB và 01 kính dâm trong xe ô tô, mất 01 bộ đồ nghề sửa xe trong nhà. Sau đó, ông Q đã viết đơn trình báo Công an huyện T .

Sau vụ việc bị phát hiện, chị Trần Thị Thu R đã tự nguyện nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền 50 triệu đồng để trả lại cho ông Q .

Tại bản giám định pháp y về thương tích số 199/PY - GDPY ngày 26/10/2017 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Hòa Bình, kết luận về thương tích trên cơ thể ông Bùi Hải Q: Chấn thương hai tay do bỏng nhiệt gây tổn thương phần mềm. Hiện tại còn để lại nhiều vết sẹo nhỏ trên cơ thể. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01% (Một phần trăm).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-GĐTS ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận về tài sản của ông Q bị mất ngày 06/4/2017 gồm: Cờ lê 8,10,11,12,13,14,16; đầu tít 10,12,13,14,17 đã qua sử dụng, đều mua mới năm 2007; đầu nén rửa xe mua mới tháng 3/2017; kính mắt nam và 02 USB loại 2G đều mua mới tháng 01/2017, đã qua sử dụng). Có giá bán tại thời điểm tháng 4/2017 là 560.000 (Năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

*Về vật chứng: trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 USB màu đỏ trắng,

+ 01 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai màu đen loại 12V-43AHA

+ 01 kính đeo mắt gọng màu vàng

Trong quá trình điều tra, do chưa xác định được bình ắc quy và kính đeo mắt là những vật chứng có liên quan đến vụ án. Mặt khác, gia đình bị cáo L có đơn yêu cầu trả lại những tài sản nêu trên, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho người nhà của L .

+ 01 xe ô tô KIA Sorento biển kiểm soát 28A-037.94. Quá trình điều tra đã xác định là tài sản do ông Chu Văn Y là bố đẻ của H bỏ tiền ra mua, H chỉ là người đứng tên đăng ký. Ông Y có đơn xin lại xe và cơ quan điều tra đã quyết định giao lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 28A-037.94 cho ông Y.

+ Số tiền 50 triệu đồng do Trần Thị Thu R tự nguyện giao nộp: cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Bùi H Q .

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H , Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A và Quách Đình B phạm tội cướp tài sản.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/10/2017.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 17; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo: Chu Hồng H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/10/2017; Nguyễn Công Đ 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/10/2017; Quách Đình B 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/10/2017.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 17; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Bùi Quang A 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/10/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và Z kháng cáo của các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 09/11/2018, các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin lỗi người bị hại.

Người bị hại – ông Bùi Hải Q đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Chu Hồng H, người bị hại ông Q đề nghị Hội đồng xét xử giảm đến mức thấp nhất.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Chu Hồng H: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải – đây là tình tiết mới, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 17/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện

tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể:

Ngày 06/4/2017, với mục đích chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của ông Bùi Hải Q, bị cáo L đã cùng các bị cáo H, Đ, A, B dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần và sử dụng vũ lực gây thương tích đối với ông Q, buộc ông Q phải trả 50.000.000 đồng, thay cho ông Bùi Văn K.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, nhân chứng, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Phạm Thanh L và đồng bọn đã có hành vi dùng vũ lực, chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 168 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tội phạm do các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì háms lợi nên cố ý phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội đối với các bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể hoặc câu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Phạm Thanh L là người có vai trò tích cực nhất, trực tiếp sử dụng vũ lực với ông Q. Các bị cáo Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng:

Anh Chu Ngọc S là em ruột của bị cáo Chu Hồng H đã đứng ra bồi thường thay cho các bị cáo toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo, nên tất cả các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Chu Hồng H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng ba và ông bà nội được Nhà nước tặng “Bảng gia đình vẻ vang”. Bị cáo Nguyễn Công Đ có bố và mẹ đẻ được Nhà nước tặng Huy chương “Vì sự nghiệp xây dựng”. Bị cáo Bùi Quang A sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục” và nhiều giấy khen khác; có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì do. Do đó, các bị cáo Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ và Bùi Quang A được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ và Quách Đình B không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Bùi Quang A có một tiền án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích), hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 07 năm 06 tháng tù, xử phạt các bị cáo Chu Hồng H, Bùi Quang A 07 năm 03 tháng tù, xử phạt các bị cáo Nguyễn Công Đ, Quách Đình B 07 năm tù là có căn cứ.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, có căn cứ để áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Bản án sơ thẩm quyết định hình phạt đối với các bị cáo trong trường hợp đồng phạm nhưng không áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự là thiếu sót, tuy vậy có thể khắc phục tại cấp phúc thẩm, song cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 07/11/ 2018 của Tòa án nhân dân huyện T về phần mức hình phạt đối với các bị cáo.

Cụ thể:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A (tên gọi khác: G) và Quách Đình B phạm tội cướp tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (24/10/2017).

2.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo: Chu Hồng H; Nguyễn Công Đ; Quách Đình B; Bùi Quang A (riêng Bùi Quang A cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS).

- Xử phạt bị cáo Chu Hồng H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (24/10/2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (24/10/2017).

- Xử phạt bị cáo Bùi Quang A (tên gọi khác: G) 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (25/10/2017).

- Xử phạt bị cáo Quách Đình B 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (25/10/2017).

3. Các bị cáo Phạm Thanh L, Chu Hồng H, Nguyễn Công Đ, Bùi Quang A, Quách Đình B không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án: 18/3/2019.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án: 18/3/2019.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Trại Tạm giam CAT HB;
- TAND huyện T ;
- VKSND huyện T ;
- Công an huyện T ;
- THADS huyện T ;
- Các bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng